

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Hạ tầng khu dân cư số 5 phường Lương Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Bách Quang tại Văn bản số 108/CV-TTĐVTH ngày 26/12/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 851/TTr-SNNMT ngày 30/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng khu dân cư số 5 phường Lương Sơn (sau đây gọi là dự án) của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Bách Quang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND phường Bách Quang và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động hướng dẫn, đôn đốc Chủ dự án thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND Phường Bách Quang;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Bách Quang;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/01/26_MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Hạ tầng khu dân cư số 5 phường Lương Sơn
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hạ tầng khu dân cư số 5 phường Lương Sơn.
- Địa điểm thực hiện: Phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên.
- Chủ đầu tư dự án: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Bách Quang.

1.2. Quy mô, công suất

Đầu tư xây dựng khu dân cư theo quy hoạch chi tiết, chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư đã được phê duyệt và hồ sơ dự án trên diện tích 90.008m² với quy mô dân số khoảng 2.000 người.

1.3. Phạm vi

1.3.1 Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình của dự án

- Hạng mục san nền, taluy, kè đá: San nền tạo mặt bằng diện tích 80.862m² trên tổng diện tích dự án là 90.008m² do đã trừ đi phần diện tích đất của 06 hộ dân giữ nguyên hiện trạng tại phía Bắc dự án (3.201m²) và đất dự trữ phát triển (5.945m²). Cao độ san nền thấp nhất là +25,1m, cao nhất là +26,7m (cao độ hiện trạng từ +21,5m đến +29,9m), độ dốc san nền 0,25% đến 0,5%, đảm bảo kết nối đồng bộ với khu vực xung quanh và khu dân cư hiện trạng. Để chống sạt lở tại vị trí chênh lệch cao độ so với hiện trạng: thiết taluy đất phía Tây với chiều dài khoảng 310m, chiều cao trung bình 2,4m - 3,2m; kè đá chắn đất với chiều dài 197,43m phía Nam, chiều cao trung bình 1,0m - 4,0m.

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật và cây xanh, mặt nước:

+ Hệ thống giao thông gồm 06 tuyến đường với các lộ giới 27m; 22,5m; 15,5m; 7,5m; 4,0m với tổng chiều dài khoảng 1.652,09m; 01 bãi đỗ xe diện tích 2.519m².

+ Hệ thống cấp nước gồm tuyến ống phân phối DN110 với tổng chiều dài khoảng 1.722m, tuyến ống dịch vụ DN63 với tổng chiều dài khoảng 1.970m và ống lồng thép qua đường DN100, DN200 với tổng chiều dài khoảng 143m; bố trí 10 trụ cứu hỏa trên mạng lưới.

+ Hệ thống cấp điện gồm 02 trạm biến áp là TBA 630kVA và 560kVA, đường dây cấp trung thế 22kV đi cáp ngầm với tổng chiều dài khoảng 778m, hệ thống đường dây chiếu sáng và đường dây hạ thế 0,4kV với tổng dài khoảng 2.441m; 45 cột đèn chiếu sáng.

+ Hệ thống cây xanh cảnh quan và cây xanh cách li tổng diện tích 8.081m².

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gồm:

+ Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án bằng cống bê tông cốt thép (BTCT) D300, D600, D800, D1000, D1800 có tổng chiều dài khoảng 1885,43m, bố trí 49 hố ga các loại trong khu vực dự án. Toàn bộ nước mưa từ dự án được thoát qua 01 cửa xả thoát nước mưa D1800 phía Nam có toạ độ: X =2377493,62; Y= 434918,82 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°30', múi chiều 3⁰).

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa bằng hệ thống cống BTCT D300 với tổng chiều dài khoảng 2.058m, bố trí 105 hố ga lắng cặn và xây dựng 01 trạm xử lý nước thải (XLNT) công suất 400m³/ngày tại lô đất hạ tầng XLNT diện tích 289m², có lắp đặt hệ thống xử lý mùi, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 1, F≤2000m³/ngày), xả qua 01 cửa xả phía Nam dự án có toạ độ: X =2377494,14; Y= 434918,31 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°30', múi chiều 3⁰); có bố trí dải cây xanh cách ly xung quanh khu vực xây dựng trạm XLNT diện tích 1.903m² với chiều rộng ≥ 10m và đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường 15m theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 01:2025/BTNMT.

+ Bố trí 01 điểm tập kết rác thải có diện tích 44m² và 01 kho chất thải nguy hại (CTNH) có diện tích 06m² tại khu vực trạm XLNT, có mái che, cây xanh cách ly và đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường ≥ 20m.

Sau khi hoàn thành, Chủ dự án bàn giao các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho cơ quan có thẩm quyền.

b) Các hoạt động của dự án đầu tư

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng trên diện tích 90.008m²; thu hồi đất của khoảng 74 hộ dân; phá dỡ khoảng 07 công trình nhà và phụ trợ; di dời 31 ngôi mộ; phá dỡ khoảng 380m đường bê tông dân sinh.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, gồm:

+ Hoạt động san nền trên diện tích 90.008m², hoạt động đào đắp trong thi công xây dựng phát sinh đất đào cấp III, đất bóc tầng đất mặt và bùn đất yếu.

+ Hoạt động vận chuyển vật liệu, chất thải phá dỡ công trình ra ngoài phạm vi dự án; vận chuyển đất đắp và vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ dự án.

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.

- Hoạt động của khu dân cư khi đi vào hoạt động.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý tại trạm XLNT đáp ứng quy chuẩn xả vào mương thoát nước hiện trạng phía Nam, sau đó thoát theo địa hình chảy vào suối Văn Dương, cuối cùng xả vào Sông Cầu có mục đích cấp nước cho sinh hoạt, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến sinh hoạt, nơi ở và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất canh tác, đất ở của khoảng 74 hộ dân; phá dỡ khoảng 07 công trình nhà và phụ trợ; di dời 31 ngôi mộ; phá dỡ khoảng 380m đường bê tông dân sinh.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, cụ thể gồm:

+ Phát sinh đất bóc tầng đất mặt, đất yếu phải đào bỏ, đất đào cấp III, vật liệu phá dỡ công trình hiện trạng; phát sinh thực vật phát quang....

+ Hoạt động thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, vận chuyển đất về đắp nền phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển; phát sinh chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn... tác động đến môi trường và dân cư xung quanh.

+ Nguy cơ ngập úng cục bộ, tức thời tại khu vực dự án và xung quanh dự án do hoạt động san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu thi công làm trượt sụt đất, vật liệu thi công xuống các mương thoát nước hiện trạng khu vực.

+ Gia tăng ùn tắc giao thông, xuống cấp các tuyến đường giao thông, ảnh hưởng đến đi lại của người dân khu vực dự án do hoạt động vận chuyển, phá dỡ đường bê tông dân sinh.

- Khi khu dân cư đi vào hoạt động có phát sinh nước thải, chất thải rắn, CTNH có khả năng tác động xấu đến môi trường khu vực nếu không được thu gom, xử lý theo quy định; nguy cơ trượt sụt tường chắn đất gây trượt sụt đất, ảnh hưởng đến các công trình của dự án, các công trình, diện tích đất nông nghiệp của Nhân dân xung quanh và khả năng tiêu thoát nước tại khu vực.

3. Các tác động môi trường môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 6m³/ngày.đêm; thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh.

+ Nước thải từ rửa bánh xe khoảng $10\text{m}^3/\text{ngày}$ (được sử dụng tuần hoàn); thành phần chủ yếu bùn đất, chất rắn lơ lửng.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng $330\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, thành phần chủ yếu gồm hợp chất hữu cơ (BOD_5 , COD), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, vi sinh vật.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động đào đắp nền, xây dựng công trình và hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công, vận chuyển đất san lấp, nguyên vật liệu, chất thải bỏ ảnh hưởng đến các đối tượng và môi trường xung quanh; thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x , SO_2 .

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Hơi khí thải phát sinh chủ yếu hoạt động của trạm XLNT; mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực vật phát quang chủ yếu là lúa, hoa màu và cây lâu năm trong phạm vi dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh khoảng $60\text{kg}/\text{ngày}$, thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì nilon, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng như gạch, vữa, chất thải vật liệu phá dỡ công trình (nhà dân, đường bê tông dân sinh) chủ yếu là bê tông, gạch vỡ... khoảng 365m^3 ; bùn bể phốt từ phá dỡ các nhà dân hiện trạng khoảng 15m^3 .

- CTNH phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, đệm hút thấm dầu... với khối lượng phát sinh khoảng $20\text{kg}/\text{tháng}$.

3.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư khoảng $2.000\text{kg}/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu bao gồm thức ăn thừa, rau củ quả thải bỏ hằng ngày, giấy vụn, túi nilon, bao bì nhựa, vỏ chai hộp thải.

- Chất thải rắn sinh hoạt công kênh phát sinh từ các hộ gia đình trong khu dân cư, không thể thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường.

- Bùn thải từ trạm XLNT phát sinh khoảng $126\text{kg}/\text{ngày}$.

- Chất thải nguy hại phát sinh với tổng khối lượng khoảng $65\text{kg}/\text{tháng}$, bao gồm pin, ắc quy thải, linh kiện điện tử thải... phát sinh từ các hộ dân; than hoạt tính thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí mùi của trạm XLNT.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; hoạt động vận chuyển đất, nguyên vật liệu, chất thải bỏ phát sinh tiếng ồn và độ rung chủ yếu ảnh hưởng trong phạm vi công trường thi công; có nguy cơ ảnh hưởng đến các nhà dân dọc theo các tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Chủ yếu là tiếng ồn từ thiết bị thổi khí, quạt hút hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến sinh hoạt, nơi ở, hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất canh tác nông nghiệp, thu hồi nhà ở...

- Phát sinh khoảng 8.440,83m³ đất bóc tầng đất mặt và 20.912,49m³ đất bùn yếu, khoảng 7.656,56m³ đất đào cấp III.

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng, gây bồi lấp các dòng chảy tự nhiên hoặc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực lân cận.

- Nguy cơ ngập úng cục, bộ tức thời tại khu vực dự án và xung quanh dự án do hoạt động san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu thi công làm trượt sụt đất, vật liệu thi công xuống các mương thoát nước hiện trạng khu vực.

- Xuống cấp, ùn tắc các tuyến đường giao thông do hoạt động vận chuyển đất đào đắp, vật liệu phá dỡ, nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án; ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân khu vực do phá dỡ đường dân sinh.

- Các rủi ro, sự cố: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, các nguy cơ gây mất an toàn khác.

3.4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng. Sự cố trạm XLNT; sự cố hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT; sự cố cháy nổ, sự cố môi trường khác...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bố trí 03 nhà vệ sinh lưu động tại khu vực công trường để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Bố trí 01 cầu rửa bánh xe và 01 hố lắng nước rửa bánh xe dung tích 10m³ để lắng nước thải từ quá trình rửa bánh xe, có đệm thấm hút dầu; nước sau khi lắng được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường; định kỳ thay miếng đệm thấm hút dầu và quản lý như đối với CTNH.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

+ Chủ dự án có trách nhiệm thi công xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ với quá trình thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án; bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm XLNT với chiều rộng $\geq 10\text{m}$ và đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường tối thiểu 15m theo QCVN 01:2021/BXD; xây dựng quy trình vận hành và bàn giao trạm XLNT công suất 400m³/ngày kèm theo quy trình vận hành cho đơn vị chức năng quản lý, duy trì vận hành trạm XLNT.

+ Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thẩm định, cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm trạm XLNT theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý, vận hành trạm XLNT tập trung đến khi hoàn thành các thủ tục bàn giao hạ tầng khu dân cư cho địa phương quản lý; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra, lập sổ nhật ký vận hành trạm XLNT theo quy định. Khi bàn giao hạ tầng khu dân cư cho địa phương quản lý, sẽ bàn giao đồng thời quy trình vận hành trạm XLNT.

+ Đơn vị được giao quản lý, vận hành trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm tổ chức vận hành mạng lưới thu gom và trạm XLNT đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường, kiểm soát thường xuyên chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

+ Quy trình thu gom, xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại → Bể thu gom 32m³ (có bố trí thiết bị tách rác) → Bể lắng cát, tách mỡ gồm 03 bể có tổng dung tích 32,12m³ → Bể điều hòa 184,8m³ → 02 cụm bể xử lý song song (Quy trình mỗi cụm như sau: Bể thiếu khí 34,56m³ → Bể hiếu khí MBBR gồm 02 bể tổng dung tích 102,4m³ → Bể trung gian 12m³ → Bể lắng sinh học 40,96m³ → Bể trung gian bơm lên lọc 16,28m³ → Bồn lọc áp lực 2,4m³) → Bể khử trùng 11,88m³ → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 1, lưu lượng F≤2000m³/ngày → Hệ thống đường ống HDPE D300 dài 10m vào cống BTCT D300 dài 65m thoát ra mương đất hiện trạng phía Nam qua 01 cửa xả có tọa độ: X =2377494,14; Y= 434918,31 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiều 3⁰), sau đó thoát theo địa hình ra suối Văn Dương, cuối cùng chảy ra sông Cầu.

Bố trí 01 bể chứa bùn 57,12m³, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý bùn từ trạm XLNT theo quy định.

+ Máy móc, thiết bị chính của trạm XLNT:

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Tại bể gom:		
-	Bơm chìm nước thải 1,1 m ³ /phút (3,7kW)	Cái	02
2	Tại bể điều hòa:		
-	Bơm chìm nước thải 0,35 m ³ /phút (1,5kW)	Cái	04
-	Hệ thống phân phối khí thô	Hệ thống	01
-	Máy thổi khí lưu lượng 2 m ³ /phút (4,0kW)	Cái	02
3	Bể thiếu khí:		
-	Máy khuấy chìm 1,8 m ³ /phút (0,4kW)	Cái	04
4	Bể hiếu khí:		
-	Bơm chìm nước thải 0,35 m ³ /phút (2,2kW)	Cái	04
-	Giá thể vi sinh di động MBBR	m ³	25
-	Hệ thống phân phối khí tinh	Hệ thống	02
-	Máy thổi khí lưu lượng 10 m ³ /phút (15kW)	Cái	02
5	Bể lắng:		
-	Bơm chìm nước thải 0,25 m ³ /phút (0,4kW)	Cái	04

6	Bể trung gian bơm lên lọc		
-	Bơm cấp lọc 50 m ³ /giờ (3kW)	Cái	02
7	Bồn lọc áp lực		
-	Bồn lọc SUS304	Cái	02
8	Nhà điều hành trạm		
-	Bơm định lượng hóa chất	Cái	06
-	Bồn pha hóa chất	Cái	03
-	Đồng hồ đo lưu lượng	Cái	01

+ Hóa chất sử dụng/ngày gồm: Khoảng 6kg NaHCO₃, 12kg PAC, 1,2kg Ca(OCl)₂.

+ Quy trình thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT: Lắp đặt các ống thu khí PVC D110 tại bể gom, bể lắng cát, tách mỡ, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí MBBR, bể lắng và bể chứa bùn → Quạt hút 1.600m³/giờ → 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (kích thước DxH = 1000x1500mm) → Ống thoát khí D110 cao khoảng 3m (tính từ mặt đất).

Máy móc thiết bị của hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT gồm: 02 quạt hút lưu lượng 1.600m³/giờ/quạt (công suất 1,5kW). Máy móc thiết bị được bố trí vận hành theo chế độ luân phiên đảm bảo hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT hoạt động thường xuyên, liên tục.

Định kỳ thay thế vật liệu hấp phụ là than hoạt tính (khoảng 01 năm/lần) cho hệ thống xử lý khí mùi, khối lượng than hoạt tính phát sinh khoảng 720 kg/lần/năm.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động. Giám sát định kỳ trạm XLNT tập trung, đảm bảo nước thải xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F<2000, cột A).

+ Bố trí vị trí cửa xả nước thải có biển báo rõ ràng, có lối đi thuận tiện, dễ tiếp cận, dễ quan sát, dễ giám sát phục vụ công tác kiểm tra, lấy mẫu đột xuất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền được dễ dàng, thuận lợi.

+ Bố trí các thiết bị trong trạm XLNT đảm bảo việc vận hành luân phiên, liên tục; bố trí bể thiếu khí, hiếu khí, bể lắng, bể trung gian và bồn lọc áp lực của trạm XLNT gồm 02 nguyên đơn để đảm bảo việc vận hành thường xuyên, liên tục của trạm XLNT; duy tu, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm XLNT luôn vận hành bình thường; thực hiện ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

+ Lập hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định, cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bố trí che chắn xung quanh khu vực thi công để giảm thiểu phát tán bụi.

+ Sử dụng xe vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng cho phép của tuyến đường vận chuyển; che chắn thùng xe chở vật liệu, đất đắp nền khi tham gia giao thông; đơn vị thi công sẽ thường xuyên thu dọn đất, vật liệu rơi vãi và bố trí xe phun nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển tại khu vực dự án và trên công trường thi công.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Đơn vị quản lý, vận hành duy trì biện pháp giảm thiểu như vận hành hệ thống xử lý mùi của hệ thống XLNT; tưới nước giảm bụi trên các tuyến đường nội bộ; duy trì vệ sinh nội bộ trong khu vực dự án hạn chế phát tán bụi; chăm sóc hệ thống cây xanh; hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hằng ngày...

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Thực vật phát quang chủ yếu là lúa, hoa màu, cây ăn quả, cây lâu năm để người dân thu hoạch trước khi bàn giao mặt bằng cho dự án.

+ Thuê đơn vị chức năng thu gom vật liệu phá dỡ công trình hiện trạng, hút bùn bể phốt của nhà dân hiện trạng và chất thải rắn xây dựng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Bố trí thùng chứa rác thải sinh hoạt trên công trường tại khu vực lán trại công nhân; hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Trang bị các thùng chứa có nắp đậy để thu gom CTNH phát sinh, sau đó tập kết vào khu vực có mái che tại khu vực lán trại công nhân và hợp đồng với đơn vị chức năng đủ điều kiện vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

+ Chủ dự án trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy tại dọc các tuyến đường nội bộ của khu dân cư để hộ dân tự phân loại chất thải phát sinh; bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt diện tích 44m² và kho chứa CTNH diện tích 6m² được xây dựng tại lô đất xây dựng trạm XLNT; bàn giao thiết bị cùng với bàn giao hạ tầng khu dân cư cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

+ Hộ gia đình, cá nhân tự thu gom, phân loại, chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt công cộng.

+ Đơn vị được giao tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chịu trách nhiệm tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt thông thường tại các tuyến đường nội bộ của khu dân cư; vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công cộng của các hộ dân có nhu cầu theo đúng quy định về điểm tập kết rác thải của dự án. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

+ Đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm: Vận hành, ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng định kỳ vận chuyển bùn thải phát sinh từ hệ thống XLNT để xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, CTNH phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Lập kế hoạch thi công, vận chuyển phù hợp (sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công tiên tiến, phù hợp; hạn chế sử dụng các thiết bị có độ ồn và rung lớn vào ban đêm và hạn chế vận chuyển trong các giờ cao điểm) nhằm hạn chế, giảm thiểu tác động ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung đến đời sống của nhân dân xung quanh khu vực, dọc tuyến đường vận chuyển.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Đơn vị được giao quản lý, vận hành trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phối hợp với đơn vị chức năng lập, thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các công trình xây dựng, tài sản và cây cối trên đất theo quy định pháp luật; bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi nhà ở theo quy định.

- Tận dụng toàn bộ khoảng 7.656,56m³ đất đào đất cấp III để san nền tại dự án; tận dụng 8.440,83m³ đất bóc tầng đất mặt và 20.912,49m³ đất bùn yếu vào diện tích đất cây xanh trong khuôn viên của dự án để trồng cây; quá trình tập kết, sử dụng phải tuân thủ đầy đủ quy định đối với việc bảo vệ tầng đất mặt theo quy định, không gây bồi lấp, sạt trượt ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Trồng đủ cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly đúng tỷ lệ theo quy hoạch, đảm bảo tuân thủ quy định, quy chuẩn hiện hành.

- Đối với vấn đề tiêu thoát nước:

+ Đào rãnh thoát nước tạm thời và duy trì việc nạo vét, khơi thông dòng chảy rãnh thoát nước tạm để định hướng dòng chảy trong quá trình thi công. Thực hiện ngay các biện pháp tiêu thoát nước khắc phục ngập úng và bồi thường thiệt hại theo quy định (nếu có) trong trường hợp xảy ra tình trạng ngập úng khu vực xung quanh do hoạt động thi công của dự án gây ra.

+ Thi công taluy tại ranh giới phía Tây, kè đá tại ranh giới phía Nam là các khu vực chênh lệch cao độ hiện trạng với cao độ dự án; tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, đảm bảo không để trượt sạt, bồi lấp đất, nguyên vật liệu xuống hệ thống thoát nước khu vực.

+ Bố trí thu gom, nắn chỉnh mương tưới tiêu và thoát nước khu vực vào hệ thống thoát nước mưa của dự án theo đúng quy hoạch nhằm đảm bảo tưới tiêu và thoát nước địa hình qua khu vực dự án, không để xảy ra ngập úng cục bộ tại khu vực.

+ Theo dõi, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan đến dự án để kịp thời bổ sung các giải pháp khắc phục hiện tượng ngập úng.

- Đối với vấn đề giao thông: Thi công tuyến đường mới của dự án kết nối với tuyến đường hiện trạng để đảm bảo giao thông thông suốt cho người dân trước khi phá dỡ tuyến đường bê tông dân sinh đi qua dự án. Bố trí các thiết bị cảnh báo, biển báo giao thông, phân luồng giao thông trên các tuyến đường tại khu vực phục vụ hoạt động thi công của dự án; phối hợp với chính quyền địa phương duy tu, sửa chữa các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động thi công của dự án; yêu cầu các nhà thầu thi công thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Đối với rủi ro, sự cố: Thuê đơn vị công binh rà phá bom mìn trước khi triển khai thi công; tập huấn hướng dẫn an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ, công nhân thi công xây dựng; thực hiện cấm biển và áp dụng các biện pháp cảnh báo đối với các khu vực nguy hiểm.

4.4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Bố trí các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải đảm bảo việc vận hành thường xuyên, liên tục của hệ thống xử lý nước thải; các bể xử lý sinh học được bố trí thành nhiều nguyên đơn.

- Đơn vị được giao quản lý khu dân cư, vận hành hệ thống xử lý nước thải sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm:

+ Tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

+ Thường xuyên nạo vét hệ thống mương rãnh thoát nước mưa đảm bảo việc tiêu thoát nước, giảm thiểu nguy cơ ngập úng cục bộ trong khu vực. Theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan để kịp thời bổ sung các giải pháp khắc phục hiện tượng ngập úng.

+ Biện pháp ứng phó sự cố trạm XLNT:

(1) Đối với sự cố non tải: Bố trí thiết bị của trạm XLNT đảm bảo việc vận hành luân phiên, liên tục bố trí bể thiếu khí, hiếu khí, bể lắng, bể trung gian và bồn lọc áp lực của trạm XLNT gồm 02 nguyên đơn hoạt động độc lập, liên tục để phục vụ cho việc vận hành khi lưu lượng đầu vào linh hoạt (trường hợp lưu lượng nước thải $\leq 50\%$ công suất khóa van đầu vào của 01 nguyên đơn và chạy 1 nguyên đơn, lưu lượng nước thải $>50\%$ công suất chạy toàn bộ các công trình của trạm).

(2) Đối với sự cố quá tải: Thiết kế trạm XLNT đã tính toán đến hệ số an toàn $k = 1,2$, bể điều hoà lưu chứa được khoảng 13 giờ; thực hiện duy trì vận hành toàn bộ các đơn nguyên của trạm XLNT.

(3) Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Kịp thời sửa chữa, thay thế các đoạn đường ống bị tắc, bị rò rỉ đảm bảo trạm XLNT hoạt động liên tục.

(4) Đối với sự cố nước thải không đạt yêu cầu: Khóa van xả nước thải sau xử lý ra hệ thống thoát nước; bể điều hoà của trạm XLNT được thiết kế với dung tích là $184,8\text{m}^3$ đảm bảo khả năng chứa nước thải trong trường hợp trạm XLNT gặp sự cố (thời gian lưu 13 giờ); nước thải được bơm ngược trở lại để tiếp tục được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Duy trì kiểm tra các họng nước phòng cháy, chữa cháy đảm bảo hoạt động ổn định.

+ Thường xuyên theo dõi, giám sát, phát hiện sớm các nguy cơ trượt sụt tường chắn đất để kịp thời khắc phục nhằm hạn chế các nguy cơ gây trượt sụt kè làm trượt sụt đất hạn chế ảnh hưởng đến các công trình của dự án, các công trình và diện tích đất nông nghiệp của nhân dân xung quanh và khả năng tiêu thoát nước tại khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Trong quá trình thi công xây dựng

Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý, giám sát các nhà thầu thi công trong việc đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường đã cam kết; yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt trong quá trình thực hiện và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; yêu cầu dừng thi công khi đề xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường để kịp thời khắc phục.

5.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải, khí thải theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Giám sát chất thải rắn, CTNH: Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và CTNH theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định; tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo quy định Luật Đất đai, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư, các quy hoạch có liên quan; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng các công trình của dự án; báo cáo cơ quan chức năng có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định đối với các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới khu vực thi công và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng; thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Thi công xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế và hoàn thành hệ thống xử lý nước thải trước khi dân cư vào sinh sống, nước thải được xử lý đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 1, lưu lượng $F \leq 2000 \text{m}^3/\text{ngày}$); bố trí vị trí cửa xả nước thải có biển báo rõ ràng, có lối đi thuận tiện, dễ tiếp cận, dễ quan sát, dễ giám sát phục vụ công tác kiểm tra, lấy mẫu đột xuất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền được dễ dàng, thuận lợi.

- Xây dựng hoàn trả đường dân sinh trước khi phá dỡ đường hiện trạng, đảm bảo không ảnh hưởng đến giao thông đi lại của người dân.

- Tuyệt đối không đổ thải và để cuốn trôi đất đá, chất thải xây dựng xuống hệ thống thoát nước làm cản trở dòng chảy, làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt, thoát nước địa hình; ưu tiên giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống công thoát nước mưa; theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan đến dự án để kịp thời bổ sung các giải pháp khắc phục hiện tượng ngập úng.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh, trật tự xã hội, an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm và khắc phục ngay các sự cố sụt lún, nghiêng, nứt công trình xung quanh và bồi thường, hỗ trợ các công trình bị ảnh hưởng theo quy định; thường xuyên trao đổi, tham vấn, tiếp thu ý kiến phản ánh của Nhân dân khu vực đối với các tác động ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường và thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với hệ thống xử lý nước thải (như trang bị công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố; vận hành hệ thống theo đúng quy trình thiết kế; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống; khi xảy ra sự cố thu gom về công trình, thiết bị lưu chứa, sau khi khắc phục sự cố thu gom nước thải về hệ thống xử lý...); xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố; tổ chức ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án.

- Lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, cấp phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định và trước khi bàn giao khu dân cư cho địa phương quản lý.

- Đảm bảo duy trì việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án; xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải cho khu dân cư, khi bàn giao khu dân cư cho đơn vị có chức năng của địa phương quản lý, phải bàn giao kèm theo hướng dẫn quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục duy trì thực hiện.

- Thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên cổng thông tin của Chủ dự án hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại khoản 5 Điều 37 và Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.